

Chính sách thuế giá trị gia tăng ở nước ta trong tiến trình thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực

LÊ VĂN LUYỆN

Trong tiến trình thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực, một trong những vấn đề Việt Nam cần được ưu tiên là phải xây dựng lộ trình cắt giảm thuế quan và bãi bỏ các hàng rào phi thuế quan phù hợp với các nguyên tắc đã cam kết khi gia nhập. Vấn đề là cắt giảm thuế như thế nào để vẫn đảm bảo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời sử dụng thuế như một công cụ để kích thích và điều tiết các thành phần kinh tế. Trong hệ thống thuế hiện nay, thuế giá trị gia tăng (GTGT) đang được xem là một trong những loại thuế chủ yếu, nhưng cũng là một trong những loại thuế thường xuyên bộc lộ những kẽ hở dễ bị lợi dụng làm thất thoát ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, bài viết này muốn đề cập đến vấn đề hoàn thiện chính sách thuế GTGT Việt Nam trong tiến trình thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực đang đến gần, mà điển hình là cam kết trong khuôn khổ WTO.

1. Các cam kết về thuế quan và phi thuế quan của Việt Nam trong WTO

Những cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ WTO về thuế quan và các hàng rào phi thuế quan:

Thứ nhất: Việt Nam cam kết ràng buộc với toàn bộ biểu thuế nhập khẩu hiện hành với 10.600 dòng thuế. Thuế suất bình quân giảm 23% so với mức thuế hiện hành, từ

17,4% xuống còn 13,4%, thời gian ân hạn được thực hiện dần trong vòng 5-7 năm. Một số mặt hàng đang có mức thuế cao trên 20% sẽ được cắt giảm thuế ngay sau khi gia nhập. Những nhóm mặt hàng có cam kết cắt giảm thuế nhiều nhất gồm: hàng dệt may, cá và các sản phẩm từ cá, gỗ và giấy, hàng chế tạo khác, máy móc thiết bị - điện tử (xem bảng 1).

BẢNG 1: Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu theo một số nhóm mặt hàng chính

Mặt hàng	Thuế suất MFN (%)	Cam kết với WTO		
		Thuế suất khi gia nhập (%)	Thuế suất cuối cùng (%)	Thời hạn thực hiện
Sản phẩm nông nghiệp				
- Thịt bò	20	20	14	5 năm
- Thịt lợn	30	30	15	5 năm
- Sữa nguyên liệu	20	20	18	2 năm
- Sữa thành phẩm	30	30	25	5 năm
- Thịt chế biến	50	40	22	5 năm
- Bánh kẹo	39,3	34,4	25,3	3-5 năm
- Bia	80	65	35	5 năm
- Rượu	65	65	45-50	5-6 năm
- Thuốc lá điều	100	150	135	3 năm
- Xi gà	100	150	100	5 năm
- Thức ăn gia súc	10	10	7	2 năm

Lê Văn Luyện, TS., Học viện Ngân hàng.

Chính sách thuế giá trị ...

Mặt hàng	Thuế suất MFN (%)	Cam kết với WTO		
		Thuế suất khi gia nhập (%)	Thuế suất cuối cùng (%)	Thời hạn thực hiện
Sản phẩm công nghiệp				
- Xăng dầu	0-10	38,7	38,7	
- Sắt thép		17,7	13	5-7 năm
- Xi măng	40	40	32	4 năm
- Phân hóa học		6,5	6,4	2 năm
- Giấy	22,3	20,7	15,1	5 năm
- Tivi	50	40	25	5 năm
- Điều hòa	50	40	25	3 năm
- Máy giặt	40	38	25	4 năm
- Dệt may	37,3	13,7	13,7	Thực hiện ngay
- Giày dép	50	40	30	5 năm
- Xe ô tô con				
+ Xe từ 2.500cc trở lên, chạy xăng	90	90	52	12 năm
+ Xe từ 2.500cc trở lên, chạy xăng, 2 cầu	90	90	47	10 năm
+ Xe dưới 2.500cc, và loại khác	90	90	70	7 năm
- Xe tải				
+ Loại không quá 5 tấn	100	80	50	10 năm
+ Loại khác (thuế suất hiện hành 80%)	80	80	70	7 năm
+ Loại khác, (thuế suất hiện hành 60%)	60	60	50	5 năm
- Phụ tùng ô tô	20,9	24,3	20,5	3-5 năm
- Xe máy				
+ Loại từ 800cc trở lên	100	100	40	8 năm
+ Loại khác	100	95	70	7 năm

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong toàn bộ biểu thuế cam kết, Việt Nam sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu với khoảng 3.800 dòng thuế (chiếm 35,5% của biểu thuế); ràng buộc ở mức thuế hiện hành với khoảng 3.700 dòng (chiếm 34,5% của biểu thuế); ràng buộc theo mức thuế trần – cao hơn mức thuế suất hiện hành với 3.170 dòng thuế (chiếm 30% của biểu thuế), chủ yếu là đối với các nhóm hàng như: xăng dầu, kim loại, hóa chất, một số phương tiện vận tải...

Thứ hai: Việt Nam cũng cam kết tham gia một số hiệp định tự do hóa theo ngành. Những ngành mà Việt Nam cam kết tham

gia đầy đủ là sản phẩm công nghệ thông tin (ITA), dệt may và thiết bị y tế. Những ngành mà Việt Nam tham gia một phần là các thiết bị máy bay, hóa chất và thiết bị xây dựng. Thời gian ân hạn để giảm thuế từ 3 - 5 năm.

Trong các hiệp định trên, ITA là quan trọng nhất, theo đó khoảng 330 dòng thuế thuộc diện công nghệ thông tin sẽ phải giảm thuế suất xuống còn 0% sau 3 - 5 năm. Như vậy, các sản phẩm điện tử như: máy tính, điện thoại di động, máy ghi hình, máy ảnh kỹ thuật số..., sẽ đều có thuế suất 0% sau 3 - 5 năm, tối đa là sau 7 năm, như bảng 2 dưới đây.

BẢNG 2: Các cam kết thực hiện Hiệp định tự do hóa theo ngành

Hiệp định tự do hóa theo ngành	Số dòng thuế	Thuế suất MFN (%)	Thuế suất cam kết cuối cùng (%)
1. Hiệp định công nghệ thông tin - tham gia 100%	330	5,2	0
2. Hiệp định hóa chất - tham gia 81%	1.300/1.600	6,8	4,4
3. Hiệp định thiết bị máy bay dân dụng - tham gia hầu hết	89	4,2	2,6
4. Hiệp định dệt may - tham gia 100%	1.170	37,2	13,2
5. Hiệp định thiết bị y tế - tham gia 100%	81	2,6	0
Ngoài ra, tham gia không đầy đủ một số hiệp định khác như thiết bị khoa học, thiết bị xây dựng...			

Nguồn: Bộ Tài chính.

Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng: đường, trứng gia cầm, thuốc lá và muối. Riêng muối là mặt hàng WTO không coi là nông sản, do vậy thường không được áp dụng công cụ hạn ngạch thuế quan, nhưng ta kiên quyết giữ để bảo vệ lợi ích của dân. Đối với 4 mặt hàng này, mức thuế trong hạn ngạch là tương đương mức thuế MFN hiện hành (trứng 40%, đường thô 25%, đường tinh 40 – 50%, thuốc lá 30%, muối ăn 30%). Ta cũng cam kết tham gia đầy đủ 3 thỏa thuận tự do hóa theo ngành gồm: ngành công nghệ thông tin, dệt may, thiết bị y tế và tham gia một phần với các thỏa thuận ngành máy bay, hóa chất, thiết bị xây dựng... sau 3 – 5 năm. Các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ của WTO cụ thể là:

- **Đối với thuế xuất khẩu:** WTO không có nội dung nào yêu cầu cam kết về thuế xuất khẩu. Tuy nhiên, một số thành viên (chủ yếu là các nước phát triển) yêu cầu cắt giảm tất cả thuế xuất khẩu, đặc biệt đối với phế liệu kim loại màu và kim loại đen vào thời điểm gia nhập.

- **Đối với thuế nội địa:** Việt Nam cam kết thực hiện thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu, bia trong vòng 3 năm kể từ khi gia nhập. Tất cả các loại rượu được chưng cất có nồng độ từ 20 độ cồn trở lên sẽ chịu mức thuế tuyệt đối tính theo lít của rượu cồn nguyên chất hoặc một mức thuế phần trăm. Đối với bia, trong vòng 3 năm kể từ khi gia nhập sẽ áp dụng một mức thuế phần trăm chung, không phân biệt hình thức đóng gói, bao bì.

- **Về thuế nhập khẩu:** mức thuế bình quân đối với hàng nông sản giảm từ mức hiện hành 23,5% xuống còn 20,9% thực hiện trong 5 – 7 năm. Cụ thể, có khoảng hơn 1/3 số dòng thuế sẽ phải cắt giảm, chủ yếu là các dòng có thuế suất trên 20%. Các mặt hàng trọng yếu, nhạy cảm đối với nền kinh tế như nông sản, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, ô tô – xe máy... vẫn duy trì được mức bảo hộ nhất định.

Thứ ba: các cam kết và nghĩa vụ của Việt Nam trong khuôn khổ WTO liên quan đến trợ cấp được quy định như sau:

- **Trợ cấp bị cấm đối với hàng công nghiệp:**

Việt Nam cam kết bãi bỏ hoàn toàn các loại trợ cấp bị cấm theo quy định của WTO, bao gồm: trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp khuyến khích thay thế hàng nhập khẩu vào thời điểm gia nhập (kể cả đối với hàng dệt may).

Quy định trên không áp dụng cho các trợ cấp dưới hình thức ưu đãi thuế dựa trên tiêu chí xuất khẩu cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được hưởng vào thời điểm Việt Nam gia nhập WTO trong thời hạn 5 năm kể từ ngày này (tức là đến hết 11-01-2012).

- **Trợ cấp bị cấm đối với hàng nông nghiệp:**

Đối với trợ cấp nông sản, nước xin gia nhập phải cam kết loại bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản. Đối với sản phẩm phi nông sản, có 3 nhóm trợ cấp: (1) Nhóm đèn đỏ là trợ cấp cấm được áp dụng (gồm xuất khẩu và trợ cấp thay thế nhập khẩu); (2) Nhóm đèn vàng là trợ cấp riêng biệt cho một ngành, gây bóp méo cho thương mại, không bị cấm áp dụng nhưng có thể bị “trả đũa”; (3) Nhóm đèn xanh là trợ cấp được coi là ít gây bóp méo thương mại. Tuy nhiên, WTO cũng có những ngoại lệ dành cho các nước đang và kém phát triển đối với trợ cấp nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Đối với hỗ trợ trong nước cho hàng nông nghiệp ta vẫn được hưởng mức hỗ trợ là 10%.

Đối với trợ cấp nông nghiệp, về cơ bản sẽ không có vướng mắc lớn bởi trị giá hỗ trợ hiện tại của Việt Nam còn rất thấp so với trị giá tổng hỗ trợ được phép trong nông nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, trong quá trình thực thi các nghĩa vụ này, Việt Nam rất cần thận trọng với các hình thức trợ cấp hay hỗ trợ đang hoặc sẽ áp dụng để tránh bị “ghép” vào diện “trợ cấp bị cấm” một cách gián tiếp.

Thứ tư, các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp.

Về vấn đề chống bán phá giá, chống trợ cấp của Việt Nam đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu, các cam kết và nghĩa vụ liên quan của Việt Nam trong WTO tập trung trong các nhóm quy định sau: (Quy định ở các đoạn 251, 252, 253, 254 và 255 – *Báo cáo của Ban công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam*).

- Hiệp định về chống bán phá giá của WTO.
- Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng của WTO.

Theo đúng nguyên tắc áp dụng giữa các nhóm quy định trong WTO (chủ yếu là giữa các hiệp định chung của tổ chức này với các cam kết gia nhập cụ thể), Việt Nam khẳng định “sẽ không áp dụng các biện pháp tự vệ, chống bán phá giá và chống trợ cấp cho đến khi các văn bản (pháp luật về chống bán phá giá, chống trợ cấp) phù hợp với các điều khoản của các hiệp định đã được công khai và đã có hiệu lực của WTO” và cam kết “đảm bảo các văn bản (về chống bán phá giá và chống trợ cấp) phù hợp hoàn toàn với các quy định liên quan của WTO”

Cần lưu ý là Việt Nam không có bất kỳ thỏa thuận nào với các nước thành viên WTO và các nước khác về vấn đề kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp của Việt Nam với hàng hóa nhập khẩu (dưới dạng hiệp định, điều ước quốc tế hay bất kỳ dạng thỏa thuận song phương hay đa phương nào khác). Vì vậy, nghĩa vụ của Việt Nam trong lĩnh vực này thuần túy là việc ban hành các quy định (nếu muốn) và triển khai các vụ điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp trên thực tiễn theo đúng các quy định tại Hiệp định chống bán phá giá và Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (phần về biện pháp đối kháng mà thôi).

2. Về chính sách thuế giá trị gia tăng có liên quan đến các cam kết trong khuôn khổ WTO

Riêng đối với thuế GTGT, kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO chúng ta đã có những cải cách nhất định về chính sách thuế này, trong đó điển hình là Luật Thuế giá trị gia tăng ban hành năm 2008. Cụ thể những cải cách như sau:

• Về đối tượng không chịu thuế GTGT

- Thu hẹp đối tượng không chịu thuế từ 28 nhóm hàng hóa, dịch vụ xuống còn 25 nhóm. Việc thu hẹp đối tượng không chịu thuế khắc phục được tình trạng bỏ sót đối tượng chịu thuế, tăng thêm nguồn thu ngân sách, đồng thời tạo tính liên hoàn trong khâu khấu trừ thuế đầu ra và thuế đầu vào.

- Chuyển các nhóm hàng hóa, dịch vụ từ không chịu thuế sang chịu thuế GTGT, gồm: (1) Chuyển nhóm hàng hóa là thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%. (2) Chuyển “hoạt động văn hóa, triển lãm và thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. (3) Chuyển hoạt động “điều tra, thăm dò địa chất, đo đạc, lập bản đồ thuộc loại điều tra cơ bản của Nhà nước” sang thuế suất 10%. (4) Chuyển “vận tải quốc tế” sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0%, hàng hóa, dịch vụ cung cấp trực tiếp cho vận tải quốc tế sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất tương ứng của từng hàng hóa, dịch vụ.

Điều này có nghĩa, doanh nghiệp không những không phải nộp thuế mà còn được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hạ giá thành dịch vụ, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước, khuyến khích các doanh nghiệp tích cực tham gia vào các hoạt động xuất khẩu.

- Bổ sung “các dịch vụ tài chính phái sinh” vào diện không chịu thuế GTGT để đảm bảo bao quát được các dịch vụ mới phát sinh, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Bổ sung dịch vụ "cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng, dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp" vào diện không chịu thuế GTGT. Để khuyến khích hoạt động phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chuyển nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt sang thuế suất 5% (trước đây nước sạch căn cứ vào địa bàn khai thác và mục đích sử dụng để xếp vào đối tượng không chịu thuế và chịu thuế với thuế suất 5%).

• Về thuế suất:

- Mức thuế suất 0%: bổ sung vận tải quốc tế vào đối tượng áp dụng thuế suất 0% để khuyến khích phát triển hoạt động vận tải quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Mức thuế suất 5%: chủ yếu áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ là đầu vào của sản xuất nông nghiệp. Tại Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi lần này, quy định 15 nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng thuế suất 5% (Luật hiện hành là 21 nhóm), cụ thể như sau:

+ Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

+ Phân bón, quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

+ Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

+ Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

+ Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này.

+ Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giăng và sợi để đan lưới đánh cá.

+ Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 điều 5 của Luật này.

+ Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm rỉ đường, bã mía, bã bùn.

+ Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo.

+ Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu.

+ Thiết bị và dụng cụ y tế; bông và băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

+ Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, compa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

+ Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

+ Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 15 điều 5 của Luật.

+ Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

- Các nhóm sau chuyển từ mức thuế suất 5% lên mức thuế suất 10%:

+ In các loại.

+ Than đá, đất, đá, cát, sỏi.

+ Hóa chất cơ bản, sản phẩm cơ khí là vật liệu sản xuất (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng cho sản xuất nông nghiệp), khuôn đúc các loại, vật liệu nổ, đá mài, ván ép nhân tạo, sản phẩm bê tông công nghiệp, lớp và bộ sấm lớp cỡ từ 900-20 trở lên, ống thủy tinh trung tính.

+ Sản phẩm luyện, cán, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý, trừ vàng nhập khẩu.

+ Máy xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận phụ tùng của máy.

+ Duy tu, sửa chữa, phục chế di tích lịch sử-văn hóa, bảo tàng (trừ trường hợp huy động bằng nguồn vốn góp của nhân dân và vốn viện trợ nhân đạo).

+ Vận tải, bốc xếp, nạo vét luồng lạch, cảng sông, cảng biển; hoạt động trục vớt, cứu hộ.

- Mức thuế suất 10%: được xác định theo phương pháp loại trừ, áp dụng đối với các hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện áp dụng các mức thuế suất 0%, 5%.

• *Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào:*

Nâng thời hạn tối đa được kê khai thuế GTGT đầu vào, cụ thể: trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung; thời gian kê khai tối đa là 6 tháng, kể từ thời điểm phát sinh sai sót". Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, tuy nhiên việc tăng thêm thời hạn kê khai tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội để gian lận chiếm đoạt thuế, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong kiểm tra giám sát thu thuế. Với mục đích khắc phục hạn chế đó, Luật thuế mới đã bổ sung thêm điều kiện để được khấu trừ thuế như: bổ sung quy định hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ thuế đầu vào thì phải thanh toán qua ngân hàng, trừ trường hợp giá trị của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần dưới 20 triệu đồng. Bổ sung quy định thuế đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ (thực tế quy định này đang được hướng dẫn tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC).

- Trước đây, chỉ được khấu trừ đối với tài sản cố định đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Sự điều chỉnh này khuyến khích, và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư theo chiều sâu.

• *Về hoàn thuế GTGT:*

Bổ sung thêm trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ hết và có số thuế còn lại từ hai trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT. Quy định bổ sung này có ý nghĩa rất quan trọng, hỗ trợ doanh nghiệp về nguồn vốn trong quá trình đầu tư dự án, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

• *Một số nhận định chung về chính sách thuế GTGT hiện nay:*

Có thể thấy việc sửa đổi thuế GTGT lần này nhằm vào mục đích hỗ trợ và bảo vệ lợi ích cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh và phát triển, đồng thời vẫn đảm bảo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Còn người tiêu dùng hầu như không nhận được thêm lợi ích gì trong những vấn đề đã được điều chỉnh này. Một số nhóm hàng hóa được điều chỉnh từ diện không chịu thuế sang diện chịu thuế, từ mức thuế suất 5% lên mức thuế suất 10%, điều đó làm giá cả các mặt hàng hóa đó tăng lên tương ứng. Điều đó chứng tỏ một điều người tiêu dùng cuối cùng là người bị thiệt trong trường hợp này.

Tuy nhiên, nhóm hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh lần này thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu, ít ảnh hưởng tới mặt bằng giá chung. Mới đây theo Thông tư 13/2009 - giảm 50% thuế GTGT, thì sẽ có 19 nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm áp dụng mức thuế suất 10% quy định tại điểm 3 mục II phần B của Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26-12-2009 - được giảm 50% thuế GTGT trong cả năm 2009. Có thể khẳng định, đây là một trong những "liều thuốc" hiệu quả nhằm kích cầu tiêu dùng trong nước, mà đối tượng được hưởng lợi là người tiêu dùng và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế đang có mức thuế suất thuế GTGT là 10%, theo chủ trương

mới nay chỉ còn 5%. Sau những chính sách giảm, giãn thuế cho doanh nghiệp mà Chính phủ đã thực hiện cuối năm 2008, chủ trương giảm 50% thuế GTGT sẽ mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng bởi thuế GTGT có đối tượng nộp thuế chính là người mua, người sử dụng hàng hóa, dịch vụ. Việc giảm thuế GTGT sẽ giúp người dân giảm bớt một phần chi phí khi tiêu dùng hàng hóa; đồng thời, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được một phần chi phí khi mua nguyên liệu phục vụ sản xuất, kinh doanh. Theo các chuyên gia kinh tế, việc cắt giảm 50% thuế GTGT cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ là một trong những "liều thuốc" có tác dụng nhanh, kịp thời nhằm kích cầu tiêu dùng trong bối cảnh sức mua trên thị trường nội địa đã giảm do ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu.

Ngày 13-01-2009 Bộ Tài chính ban hành thông tư số 04/2009/TT-BTC hướng dẫn thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng. Theo đó, đối với hồ sơ hoàn thuế GTGT của hàng hóa xuất khẩu, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì thời hạn giải quyết tạm hoàn thuế (90%) tối đa không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp. Đối với số thuế GTGT hoàn tiếp 10% thì thời hạn giải quyết hoàn thuế tối đa không quá 4 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thuế nhận được văn bản đề nghị hoàn thuế tiếp 10% của doanh nghiệp. Đối tượng được tạm hoàn thuế GTGT quy định tại thông tư này là các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu có hàng hóa thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu. Việc hoàn thuế này cho thấy lợi ích thuộc về doanh nghiệp đó là: hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, tạo điều kiện để doanh nghiệp tái sản xuất và đầu tư theo chiều sâu. Nhưng không có nghĩa là Nhà nước chịu thiệt khi hoàn thuế. Xét về lợi ích trước mắt, thì Nhà nước không được lợi gì từ việc hoàn thuế, nhưng xét về lợi ích lâu dài thì

Nhà nước được nhiều từ việc hoàn thuế. Đó là khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các khu chế xuất, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa, tạo ra nhiều giá trị hàng hóa, thu về nhiều hơn ngoại tệ cho dự trữ và thanh toán các khoản nợ nước ngoài..., các doanh nghiệp phát triển, đồng nghĩa với nền kinh tế cũng phát triển.

Qua những phân tích trên, nhận thấy sau sửa đổi lần này, Luật Thuế giá trị gia tăng mới có những ưu điểm sau:

- *Một là*, khắc phục những tồn tại của Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành, làm cho Luật này phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, định hướng của Nhà nước về phát triển kinh tế trong thời kỳ tới và gần hơn với thông lệ quốc tế.

- *Hai là*, góp phần cho quá trình hoàn thiện và đổi mới chính sách thuế, tạo môi trường kinh doanh công bằng, thu hút đầu tư, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng trong thời kỳ mới.

- *Ba là*, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách bền vững và ổn định: vào thời điểm năm 2006, ngân sách nhà nước phụ thuộc vào ba khoản thu chủ yếu: xuất nhập khẩu (chiếm 25% ngân sách); thu từ xuất khẩu dầu thô (cũng khoảng 25%); còn lại là thu nội địa. Nhưng khoản thu thứ ba này cũng đang giảm dần do chính sách thuế liên tục được thay đổi để thực hiện các cam kết với WTO.

- *Bốn là*, góp phần tạo ra môi trường đầu tư bình đẳng, thu hút vốn đầu tư, đồng thời bảo vệ được lợi ích cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm đó, thì chính sách thuế GTGT mới vẫn còn những điểm cần phải lưu tâm đến trong thời gian tới là: (1) Việc vẫn áp dụng 3 mức thuế (0% - 5% - 10%) là thiếu thống nhất. Điều này khiến việc thực hiện khó công bằng, minh bạch, gia tăng sự phiền hà và không phù hợp với thuế thế giới. (2) Về phương pháp tính thuế, luật vẫn sử dụng cả hai phương pháp trực tiếp và khấu trừ, trên 1 luật mà có 2 phương pháp, gây nhiều khó

khẩn trong việc áp dụng, quản lý, tính và thu thuế. (3) Việc bổ sung thêm điều kiện khấu trừ thuế là không khả thi, khi bản thân ngân hàng cũng chưa đủ năng lực thực hiện. (4) Trong luật mới vẫn chưa có quy định về việc in hóa đơn, mua bán hóa đơn, do đó việc quản lý và kiểm soát tình trạng chiếm đoạt thuế vẫn còn nhiều bất cập. (5) Việc áp dụng mức thuế suất 5% đối với một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ là đầu vào của sản xuất nông nghiệp trong khi các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp - sản phẩm “đầu ra” lại không có bất cứ chứng từ hóa đơn tài chính nào, nên không được khấu trừ thuế, khiến người nông dân phải gánh thêm khoản thuế VAT, tức là phải chịu thêm một khoản chi phí, khi sử dụng các sản phẩm, hàng hóa đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

3. Một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng của nước ta nhằm thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực

Luật Thuế giá trị gia tăng được triển khai thực hiện từ ngày 1-1-2009, thời gian này chưa đủ để chúng ta có thể đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện Luật này. Trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội hiện nay của nước ta, cùng với xu hướng cải cách thuế ở các nước trên thế giới, nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế của Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành, chúng ta có thể triển khai một số biện pháp sau đây:

- Một là, tiếp tục mở rộng đối tượng chịu thuế đồng nghĩa với việc giảm bớt số nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế nhằm tạo điều kiện cho việc tính thuế được đơn giản, khấu trừ thuế được liên hoàn giữa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp, khuyến khích xuất khẩu hàng hóa dịch vụ. Đồng thời tiếp tục điều chỉnh đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế GTGT.

Vẫn tiếp tục áp dụng không thu thuế GTGT đối với các loại hình dịch vụ liên quan

tới tài chính như: tín dụng, quỹ đầu tư, hoạt động kinh doanh chứng khoán... nhằm khuyến khích sự phát triển của thị trường tài chính và đảm bảo phù hợp với thông lệ của các nước trên thế giới. Đối với tất cả các loại hình dịch vụ bảo hiểm bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm học sinh và các loại hình bảo hiểm khác đều thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Cần phải sớm ban hành ngưỡng chịu thuế GTGT, bởi lẽ trình độ quản lý của ngành thuế còn nhiều hạn chế và khả năng chấp hành của một bộ phận người dân có hạn. Các hộ kinh doanh có doanh số hàng năm “nằm” dưới ngưỡng chịu thuế sẽ điều chỉnh sang đối tượng không chịu thuế GTGT và nên áp dụng một loại thuế tương tự như thuế doanh thu trước đây nhưng phải đơn giản hóa tối đa số lượng thuế suất và khi thu nên áp dụng chế độ “khoán” doanh thu.

Nên thu hẹp đối tượng nộp thuế GTGT, đảm bảo quản lý thuế có hiệu quả, tập trung quản lý thu đối với các doanh nghiệp vừa và lớn, các hộ kinh doanh nếu có mức doanh thu dưới ngưỡng tính thuế thì không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT, áp dụng nộp thuế theo mức ấn định trên doanh thu. Trong thời gian tới, khi sửa đổi Luật thuế, cần bổ sung qui định: hàng hóa do các hộ kinh doanh có doanh số hàng năm dưới ngưỡng chịu thuế (ngành thương nghiệp, dịch vụ là 500 triệu đồng; các ngành còn lại là 300 triệu đồng) được miễn thuế GTGT, không phải tính thuế trên giá bán và không kê khai nộp thuế GTGT. Các đối tượng này sẽ được chuyển sang áp dụng nộp thuế theo mức ấn định theo tỷ lệ % trên doanh thu, với mức thu khoảng 2% trên doanh số. Mức thu này cũng tương đương với mức thuế suất tính trên doanh thu hiện nay của một số nước ở khu vực Châu Á đang áp dụng.

- Hai là, tiến tới áp dụng một mức thuế suất ngoài thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế và đơn giản trong việc áp dụng thuế.

Về thuế suất, hiện nay chế độ đa thuế suất đang làm méo mó phần nào tác dụng của thuế GTGT, dẫn đến làm hạn chế tác dụng điều tiết vĩ mô của cả hệ thống chính sách thuế đối với nền kinh tế. Thời gian sắp tới, nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi và phát triển, nhằm đảm bảo tính đơn giản, công bằng về thuế, phù hợp với thông lệ của các nước trong khu vực trong điều kiện phải cắt giảm và bãi bỏ một số nguồn thu từ thuế, cho nên cần thiết phải sửa đổi qui định về thuế suất hợp lý hơn.

Tiến dần đến việc áp dụng thống nhất một mức thuế suất khoảng 10% cho tất cả hàng hóa, dịch vụ trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%. Lộ trình áp dụng thuế suất cần thiết phải được thực hiện công khai cho mọi người nộp thuế được biết để có đủ thời gian chuẩn bị nhằm thay đổi chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp chính sách thuế suất mới.

- *Ba là*, cần nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính thuế, nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành thu của cơ quan thuế và giảm chi phí cho người nộp thuế, nhằm đảm bảo công bằng về thuế, khắc phục những tiêu cực, lợi dụng trong việc ấn định thuế theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT. Đồng thời khuyến khích nâng cao trình độ hạch toán kế toán của người nộp thuế, trước hết là việc lập hóa đơn, mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế GTGT, đề nghị tiến tới sửa đổi qui định về phương pháp tính thuế như áp dụng thống nhất một phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các cơ sở kinh doanh thuộc diện nộp thuế GTGT bắt buộc phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ. Tiến tới sử dụng sổ sách để theo dõi, hạch toán sản lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra của người nông dân, để thực hiện tốt việc hoàn thuế đầu vào cho người nông dân, giảm bớt gánh nặng chi phí, khi sử dụng các sản phẩm, hàng hóa đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

- *Bốn là*, việc khấu trừ thuế chỉ áp dụng khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào có hóa đơn GTGT và

thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT.

- *Năm là*, để quản lý chặt chẽ việc hoàn thuế, cần thiết phải thu hẹp đối tượng hoàn thuế, chỉ nên áp dụng cơ chế này cho các đối tượng: các cơ sở kinh doanh hàng xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; cơ sở có đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh số thuế GTGT đầu vào của tài sản lớn; đồng thời, qui định rõ hơn và chặt chẽ hơn điều kiện hoàn thuế, thời gian xem xét hoàn thuế phù hợp hơn.

Tóm lại: thuế GTGT là một trong những loại thuế gián thu có phương pháp thu thuế khoa học và tiên tiến nhất hiện nay, đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng. ở Việt Nam, trong tương lai, thuế GTGT sẽ trở thành sắc thuế chủ yếu, chiếm tỷ trọng cao trong hệ thống chính sách thuế (30% tổng thu ngân sách) nhằm bù đắp được nguồn thu thuế nhập khẩu khi cắt giảm thuế theo cam kết quốc tế và góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế của nước ta phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của đất nước theo định hướng phát triển đến năm 2020 và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hy vọng thời gian tới, chính sách thuế GTGT sẽ được điều chỉnh và hoàn thiện hơn, góp phần tích cực vào việc đưa đất nước tiến nhanh tiến mạnh trên con đường hội nhập./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban công tác về Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (2006), các cam kết của Việt Nam.
2. TS. Lê Xuân Sang, Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc điều chỉnh chính sách tài khóa Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Theo báo cáo của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính), việc thực hiện các giải pháp về thuế làm giảm số thu ngành thuế năm 2009.
4. Trang web của Tổng cục Thuế: <http://www.gdt.gov.vn>
5. Trang web của Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>